

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 trên địa bàn huyện Thanh Trì

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) trên địa bàn;

Căn cứ Chương trình số 02/CTr-UBND, ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020;

Căn cứ Chương trình số 93/CTr-UBND, ngày 07/5/2020 của UBND huyện Thanh Trì ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020;

Thực hiện Công văn số 1710/STC-TT, ngày 15/05/2020 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về việc báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2020.

Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trì báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban Nhân dân huyện đã cụ thể hóa bằng Chương trình số 323/CTr-UBND, ngày 11/5/2017 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến năm 2020 và chương trình số 93/CTr-UBND, ngày 07/5/2020 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; Đồng thời chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai sâu rộng trong cán bộ công chức của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn, cụ thể như sau:

1. Thực hiện tuyên truyền sâu rộng và có hiệu quả các văn bản về chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ, Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/02/2014, Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 được ban hành tại Quyết định số 217/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 17/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đến toàn thể nhân dân, tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo THTK, CLP từ cấp huyện đến cấp xã. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; người đứng đầu tổ chức sử dụng ngân sách địa phương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện THTK, CLP; Căn cứ Chương trình tổng thể về THTK, CLP năm 2020 của huyện,

từng cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp lĩnh vực phụ trách, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm từng cán bộ, công chức, viên chức; nghiêm túc thực hiện chế độ công khai tài chính, tài sản, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và chấp hành chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THTK, CLP: Tổ chức thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP, qua đó, đã tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, có những hành động và việc làm cụ thể tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, năng suất, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin; Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt chú trọng nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo THTK, CLP.

4. Tăng cường công tác tổ chức THTK, CLP trên các lĩnh vực: Tổ chức điều hành dự toán ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách; xây dựng, lập, phê duyệt dự toán chi ngân sách theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá dịch vụ, cam kết chi,... đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát chi, quản lý thu ngân sách nhà nước; Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường vai trò các cơ quan quản lý nhà nước ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, khắc phục tình trạng chuẩn bị sơ sài và quyết định chủ trương đầu tư một cách cảm tính, hình thức, gây lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả. Trong việc thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thẩm định làm rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho từng chương trình, dự án cụ thể; bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện; Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2020 và các văn bản hướng dẫn. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công phù hợp với điều kiện mới đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và chống lãng phí. Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công theo quy định, yêu cầu của nhà nước. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức; kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật liên quan đối với các trường hợp vi phạm.

5. Công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; xác định vị trí việc làm một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tế.

Tăng cường thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát THTK, CLP: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các quy định

về công khai minh bạch tài chính, tài sản để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THPT, CLP; trong đó, chú trọng thực hiện công khai việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao, công khai thông tin về nợ công (nếu có) và các nội dung đầu tư công theo quy định pháp luật, khuyến khích thực hiện hình thức công khai trên Cổng, trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm ngân sách (trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

6. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức Đoàn thể để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về THPT, CLP. Đẩy mạnh giám sát đầu tư cộng đồng thông qua việc nâng cao hiệu quả của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư.

7. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THPT, CLP, đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong THPT, CLP.

8. Triển khai đồng bộ Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch thực hiện CCHC năm 2020; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN các cấp trong công tác cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện tốt việc niêm yết, đăng tải công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị và trên Cổng, trang thông tin điện tử.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được theo từng lĩnh vực quy định trong Luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí

1.1. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Quản trịet và thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công đi đôi với rà soát, đánh giá toàn diện các quy định về quản lý đầu tư công, xây dựng cơ bản. Tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng bố trí vốn phân tán, dàn trải, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời triển khai kịp thời, quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn được giao, nhất là các công trình hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai, dự án hạ tầng quan trọng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân vi phạm và cố ý cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư; chống lãng phí, nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án; chỉ đề xuất cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án có hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công; Chống lãng phí, nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án; hạn chế các nội

dung phát sinh dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Thực hiện đúng các thủ tục đấu thầu, công khai theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu và pháp luật có liên quan; thực hiện nghiêm túc các quy trình giám sát, quản lý chặt chẽ ngay từ khâu khảo sát, thiết kế giải pháp thi công, thẩm định dự án nhằm chống lãng phí; không để phát sinh thêm và xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản; Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả.

Trong năm 2020, tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công; Kế hoạch đầu tư công năm 2020. Xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. THPT, CLP thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu thông qua tăng cường đấu thầu rộng rãi, công khai, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư.

Thực hiện tiết kiệm từ 10% tổng mức đầu tư đề ra theo Nghị quyết 89/NQ-CP; giảm trong đấu thầu, chỉ định thầu, bỏ chi phí nhà tạm, một số chi phí không thực hiện (kiểm toán, chi phí hạng mục chung, chi phí dự phòng) 6 tháng đầu năm tiết kiệm 1.600 triệu đồng.

1.2. Quản lý kinh phí chi thường xuyên

Các đơn vị thực hiện tự chủ xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế quản lý nội bộ tại cơ quan đơn vị để mọi cán bộ, công chức, tuân thủ thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và có căn cứ giám sát thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ công chức, thực hiện công khai dân chủ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ công chức; quy định rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm người đứng đầu cơ quan tổ chức nếu xảy ra tham nhũng lãng phí theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước như: Công khai dự toán, quyết toán kinh phí đơn vị sử dụng ngân sách, nguồn quỹ nhân dân đóng góp, công khai quy hoạch, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản thông qua Hội đồng Nhân dân huyện theo đúng quy định. Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với 19/19 cơ quan quản lý hành chính nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, huyện có 10 xã, thị trấn thực hiện tự chủ và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập 43/43 đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm sự nghiệp giáo dục có 39 trường trực thuộc phòng Giáo dục và đào tạo); Kết quả triển khai thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về tổ chức bộ máy, về biên chế và số tiền tiết kiệm kinh phí giao khoán, giao tự chủ tiết kiệm được từ kinh phí hoạt động thường xuyên như: điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, công tác phí,... dự kiến tiết kiệm tăng thu nhập cho cán bộ công chức 837 triệu đồng.

Thực hiện Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ hội họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước: Các ngành, các cấp luôn xem xét cân nhắc và lồng ghép nội dung triển khai hội nghị,

nội dung thiết thực, xác định rõ thành phần, số lượng đại biểu tham dự, địa điểm, thời gian tổ chức gửi trước văn bản đề các ngành, các xã (TT) nghiên cứu, đóng góp bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả thiết thực. Tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Chỉ thị số 30/CT-TTg, ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, công tác phí theo Công văn số 6890/BTC-HCSN, ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp, hội nghị theo Công văn số 1672/CT.UBND-HC, ngày 15/11/2012 và Công văn số 873/CTUBND-HC, ngày 04/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Thanh tra huyện tham mưu UBND huyện tiến hành 04/06 cuộc thanh tra, đạt 66,67% so với kế hoạch năm được phê duyệt, trong đó: 02 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội về tài chính, ngân sách; 01 cuộc thanh tra trách nhiệm về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; 01 cuộc thanh tra trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng. Qua thanh tra, đã phát hiện các tổ chức, cá nhân chi sai nguyên tắc tài chính, kế toán, kết luận thu hồi nộp hoàn ngân sách nhà nước 13.513.000đ, chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với 01 tập thể, 06 cá nhân.

1.3. Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đầu tư đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020.

Đảm bảo việc quản lý và sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu được phê duyệt theo đúng tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả.

Thực hiện các Chương trình mục tiêu được phê duyệt theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

1.4. Quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công

Tiến tục triển khai, thực hiện tốt Luật quản lý, sử dụng tài sản công; các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Công văn số 330/UBND-TH ngày 05/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện việc mua sắm tập trung đối với những hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước thực hiện quản lý và sử dụng trụ sở làm việc, đất thuộc khuôn viên trụ sở làm việc cơ quan, đơn vị, tổ chức đúng quy định hiện hành; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, kiên quyết thu hồi diện tích nhà, đất sử dụng cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết không đúng quy định và trụ sở cũ của các cơ quan tổ chức, đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở mới.

Triển khai rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định có biện pháp bố trí sắp xếp lại cho hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, thanh lý nhà đất công không sử dụng, tạo nguồn thu ngân sách nhà nước nhằm đầu tư công trình bức xúc trọng điểm phục vụ nhân dân, đáp

ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

1.5. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Lĩnh vực quản lý đất đai: Tình hình thực hiện quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 65/QĐ-UBND tỉnh ngày 13/01/2020 và UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện công bố công khai, qua đó tình hình quản lý đất đai thực hiện chặt chẽ theo kế hoạch sử dụng đất.

- Lập Kế hoạch rà soát xếp lại nhà đất công theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 về việc thành lập tổ công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất công trên địa bàn huyện Thạnh Trị. Tổ đang tiến hành tổ chức đo đạc cắm cọc từng thửa đất để thực hiện chuyển nhượng Quyền sử dụng đất với hình thức bán đấu giá, giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Lĩnh vực quản lý môi trường: tiến hành kiểm tra vệ sinh môi trường 48 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn, qua kiểm tra phát hiện 01 trường hợp vi phạm về xử lý nước thải gây ô nhiễm môi trường ở ấp Trà Do, xã Lâm Kiết, đoàn lập biên bản nhắc nhở đề nghị chủ cơ sở khắc phục sửa chữa.

- Lĩnh vực tài nguyên khoáng sản: Tổ kiểm tra các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, đất làm vật liệu xây dựng thông thường kiểm tra được 18 lượt, phát hiện và lập biên bản 05 trường hợp (trong đó vận chuyển đất từ nơi khác đến 04 trường hợp) khai thác không giấy phép.

1.6. Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

Việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã được các sở, ngành và các huyện, thành, thị tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó tập trung hoàn thiện thể chế, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý kế toán, tài sản tại đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch; Thực hiện chính sách tinh giản biên chế gắn với công tác đánh giá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

* Việc sắp xếp theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

- Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân được 01 đơn vị (xã Châu Hưng); Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân sắp xếp được 5 đơn vị (Hưng Lợi, Vĩnh Thành, Vĩnh Lợi, Thạnh Tân, Tuân Túc) còn khuyết 04 đơn vị, số lượng giảm 10 chức danh.

- Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch UBND cấp xã sắp xếp được 05 đơn vị (Vĩnh Thành, Thạnh Tân, Tuân Túc, Châu Hưng, Hưng Lợi) số lượng giảm 05 chức danh.

- Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đã sắp xếp được 8 đơn vị (còn đơn vị Phú Lộc, Vĩnh Lợi) số lượng giảm 9 chức danh.

- Chức danh công chức Tài chính - Kế toán, đã sắp xếp 04/6 (đối với xã loại 1) số lượng giảm 04 chức danh (thị trấn Phú Lộc, xã Tuân Túc, xã Thạnh Trị, xã Thạnh Tân).

- Chức danh công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách Văn hóa - Thông tin - Truyền thông và Thể dục thể thao, đã sắp xếp 4 đơn vị (Lâm Tân, Vĩnh Thành, thị trấn Phú Lộc, Thạnh Trị).

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch, đã sắp xếp 3/4 đơn vị (đối với xã loại 1) số lượng giảm 03 chức danh (xã Thạnh Trị, xã Thạnh Tân, xã Tuân Tức).

* **Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;** Trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp và UBND xã, thị trấn, UBND huyện đã xây dựng Đề án số 51/ĐA-UBND, ngày 26-8-2015 của UBND huyện, đồng thời Đề án cũng được UBND tỉnh phê duyệt (Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 14/4/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng). 06 tháng đầu năm 2020 tinh giản biên chế 25 người (các cơ quan hành chính, sự nghiệp là 19 người; xã, thị trấn 6 người).

Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính; Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10/CT-CT. UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện sắp xếp theo đúng đề án vị trí việc làm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, phát huy hết năng lực, sở trường, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về thời gian, nguồn lực lao động, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý, có hiệu quả.

1.7. Thành lập các quỹ tài chính có nguồn từ ngân sách Nhà nước

Thực hiện nghiêm việc quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách theo đúng Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Đổi mới cơ chế tài chính của các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách từng bước theo mô hình tự đảm bảo chi phí hoạt động.

2. Đánh giá chung

Nhìn chung công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn huyện trong thời gian qua có nhiều hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, từng cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách khác. Qua đó khắc phục những hạn chế yếu kém, ngăn chặn và đẩy lùi thực trạng lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tạo sự ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

* Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thực hành tiết kiệm trên địa bàn huyện vẫn tồn tại một số hạn chế:

Việc xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một số đơn vị còn chung chung, chưa bám sát vào đặc điểm, nhiệm vụ của từng đơn vị để đặt ra nội dung hành động thiết thực.

Một số đơn vị chưa thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng được yêu cầu nên việc tổng hợp báo cáo chung tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của huyện gặp nhiều khó khăn.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đầy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, huyện về liên quan đến công tác THPT, CLP.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực THPT, CLP. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

3. Tiếp tục thực hiện công khai, giám sát THPT, CLP, đẩy mạnh việc thực hiện giám sát đầu tư cộng đồng, tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư và tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật đất đai, quy hoạch sử dụng đất và các văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng đất.

4. Tập trung chỉ đạo các cơ quan Hành chính - Sự nghiệp thuộc UBND huyện, UBND các xã (TT) thực hiện nghiêm túc tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó đặc biệt chú ý đến các lĩnh vực quan trọng như: tài chính ngân sách, đầu tư công, quản lý và sử dụng đất đai; sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên,...đảm bảo hiệu quả, thiết thực đúng quy định của pháp luật.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính; thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính và thực thi công vụ của cán bộ công chức. Thường xuyên kiểm soát chất lượng thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, kịp thời chuyển tải thông tin tới người dân và doanh nghiệp về cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và công khai địa chỉ email, số điện thoại của các cơ quan, đơn vị để người dân, doanh nghiệp biết khi cần phản ánh.

6. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước năm 2020 của UBND tỉnh và Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 trên địa bàn huyện.

7. Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đưa tin phê phán các hành vi gây lãng phí; biểu dương những gương tốt trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để đề xuất hình thức khen thưởng phù hợp.

Trên đây là Báo cáo kết quả tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 huyện Thanh Trì./. *m*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. Huyện uỷ;
- TT. HĐND huyện;
- TV. UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban ngành cấp huyện;
- UBND các xã (TT);
- Lưu VP (NC, LT). *ml*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Vũ Phương



Phụ lục số 02

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của huyện Thanh Trì

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ						
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản					
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản					
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc					
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	4	6	4	100	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng					
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)						
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng					





1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng			-	-		
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						

	<i>Các nội dung khác</i>						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	2,653.786		837	32	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng					
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng					
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng					
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng					
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	72		72	100	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	4			-	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	13.513				
4	Các nội dung khác						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		6		6	100	
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	6		6		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc					
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc					
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc					
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng					
2	Tài sản khác						
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản					

2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản					
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng					
3	Các nội dung khác						
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng						
1	Trong đầu tư xây dựng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án					
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	1,500	3,200	1,600	107	50
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng					
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng					
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	1,500	3,200	1,600	107	50
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng					
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng					
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án					
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ						
	Số lượng	dự án					
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng					
2	Trụ sở làm việc	m2	47,994	-	47,994		
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	47,994		47,994		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2					

2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2				
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2				
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng				
3	Nhà công vụ		1,164		1,164	
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	1,164		1,164	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2				
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2				
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2				
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2				
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng				
4	Các nội dung khác					
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên					
1	Quản lý, sử dụng đất					
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2				
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2				
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
1.4	Các nội dung khác					
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác					
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ				

2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được						
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án					
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng					
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt						
4	Các nội dung khác						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước						
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ					
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					
3	Các nội dung khác						
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp						
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng					
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng					
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h					
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)					
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng					
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng					
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng					
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng					

2	Quản lý đầu tư xây dựng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án					
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án					
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>					
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>					
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>					
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>					
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn						
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>					
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>					
2.5	Các nội dung khác						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN						
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>					
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>					
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>					
4	Mua sắm phương tiện						
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con						
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>					
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>					
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>					

	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc					
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng					
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc					
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc					
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng					
5	Nợ phải thu khó đòi						
	Số đầu kỳ	triệu đồng					
	Số cuối kỳ	triệu đồng					
6	Vốn chủ sở hữu						
	Số đầu năm	triệu đồng					
	Số cuối kỳ	triệu đồng					
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân						
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ					
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ					
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP						
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc					
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc					
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị					
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị					

5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng					
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng					

*** CHÚ THÍCH:**

1 Số liệu Báo cáo năm tổng hợp từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2 Cơ quan lập báo cáo căn cứ thực tế công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phạm vi trách nhiệm quản lý được giao để tổng hợp số liệu theo các mục tương tự "N"